

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số: 4965/QĐ-UBND

TRƯỜNG SƠN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về giao dự toán thu-chi ngân sách nhà nước năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 04 năm 2006 của Chính phủ; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4393/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân quận về giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên (giai đoạn 2019-2021) theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1074/TTr-TCKH ngày 20 tháng 12 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu dự toán thu-chi năm 2020 cho 66 đơn vị, được phân loại là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thường xuyên, thực hiện cơ chế tự chủ theo tinh thần Nghị định số 43/2006/NĐ-CP (đơn vị loại 2); Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

1.1 Tổng thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác: 77.195,462 triệu đồng, số thu được để lại chi và dành nguồn cải cách tiền lương được thực hiện theo quy định hiện hành,

1.2 Tổng chi: 835.242,667 triệu đồng, trong đó:

a). Sử dụng nguồn cải cách tiền lương năm 2019 chuyển sang: 45.280,348 triệu đồng.

b). Tổng chi ngân sách: 789.962,320 triệu đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên (nguồn 13): 477.047,909 triệu đồng,

+ Nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14, tiết kiệm 10% chi thường xuyên trừ tiền lương và các khoản có tính chất lương): 14.875,138 triệu đồng,

+ Kinh phí ngân sách cấp chênh lệch mức lương tối thiểu từ 1,21 triệu đồng/hệ số lên 1,49 triệu đồng/hệ số (nguồn 14): 73.096,389 triệu đồng,

+ Kinh phí ngân sách thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND (nguồn 14): 191.739,395 triệu đồng,

+ Cấp bù chênh lệch học phí theo Nghị quyết 25/2018/NQ-HĐND: 10.178,64 triệu đồng,

+ Chi không thường xuyên (nguồn 12): 23.024,850 triệu đồng.

(Phụ lục mã số tên đơn vị và số liệu chi tiết dự toán thu-chi năm 2020 từng đơn vị đính kèm);

Điều 2. Người đứng đầu cơ quan đơn vị nêu tại Điều 1 có trách nhiệm:

2.1. Lập phương án phân bổ dự toán chi tiết ngân sách năm 2020 theo đúng qui định của Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ngân sách;

2.2. Việc phân bổ chi tiết ngân sách phải khớp đúng dự toán được Ủy ban nhân dân quận giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; đăng ký với cơ quan tài chính, kho bạc Nhà nước quận và thực hiện công khai ngân sách theo qui định hiện hành;

2.3. Việc chấp hành kế toán, quyết toán phải đảm bảo tuân thủ Luật Kế toán, các chế định và dự toán chi tiết phân bổ nêu tại điểm 2.2 trên đây;

Điều 3. Trong thời gian được giao tự chủ tài chính, nếu có thay đổi nhiệm vụ ảnh hưởng đến dự toán thu-chi so với quyết định giao, Thủ trưởng đơn vị cùng phòng Tài chính-Kế hoạch xem xét thống nhất trình Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Gò Vấp, Chi cục Trưởng Chi cục Thuế quận, Thủ trưởng các đơn vị nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5; “để thực hiện”
- Ban Thường vụ Quận ủy;
- TT. Hội đồng nhân dân;
- Thành viên UBND quận;
- CT UB.MTTQVN quận; “để giám sát”
- Lưu (VP, P.TCKH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN /*huu*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thanh Vân

S T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLAK	Đơn vị	DỰ TOÀN THU NĂM		DỰ TOÀN CHI NĂM 2020									
				2020	TỔNG CHI NĂM 2020	Tổng sử dụng ngân sách CCTL 2019 chuyển sang năm 2020 (đơn vị)	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP 2020	Chi thường xuyên NGƯỜN 13	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên kế toán hàng có tính chất hàng) NGƯỜN 14	Ngân sách bổ sung chi tiết theo từng hệ số từ 1,21 trở lên 1,49 từ hàng) NGƯỜN 14	Cấp bù theo phí theo NQ 25 NGƯỜN 14	Kinh phí NQ03 (Ngân 14)	Chi không thường xuyên 2020 NGƯỜN 12		
				A	1	2-3-14	3	4-5+ +10	5	6	7	8	9	10	
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trãi	1.273.600.000	18.444.844.000	1.257.810.000	17.187.934.000	9.350.247.000	238.559.000	1.705.458.000	687.600.000	4.706.170.000	319.000.000		
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	773.560.000	12.945.304.070	1.019.986.000	11.025.318.070	6.294.712.000	146.095.600	1.128.963.000	401.040.000	2.855.257.470	239.250.000		
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	1.315.560.000	19.269.366.000	1.860.089.000	17.409.277.000	10.323.093.000	254.046.600	1.851.067.000	732.240.000	4.288.830.400	0		
49	1067964	622-073	Trường THCS Phan Văn Chiêu	1.844.100.000	23.370.836.030	0	23.370.836.030	12.387.990.000	332.858.500	2.188.388.000	959.400.000	7.502.199.530	0		
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	1.939.500.000	24.554.999.139	1.855.794.000	22.769.205.139	13.072.332.000	396.557.500	2.193.907.000	1.143.000.000	5.150.260.500	813.148.139		
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	1.345.800.000	17.310.487.000	1.006.673.000	16.303.814.000	9.070.514.000	246.302.800	1.575.046.000	709.920.000	4.286.255.200	0		
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	988.460.000	15.700.612.170	0	15.700.612.170	7.297.499.000	187.225.100	1.287.799.000	539.640.000	4.382.687.900	2.005.761.170		
53	1052167	622-073	Trường THCS Lê Tư Trùng	2.812.050.000	18.523.498.374	417.768.000	18.105.730.374	9.810.107.646	181.354.800	1.232.450.000	767.520.000	5.556.684.200	0		
54	1051807	622-073	Trường THCS Thống Tây Hội	856.080.000	13.185.432.000	916.223.000	12.269.209.000	7.063.859.000	266.286.800	1.705.131.728	522.720.000	3.268.825.200	0		
55	1051800	622-073	Trường THCS Thống Tây Hội	866.700.000	9.011.331.000	1.149.018.000	7.862.313.000	4.526.998.000	134.642.000	776.009.000	352.800.000	1.432.584.000	0		
56	1051801	622-073	Trường THCS Thống Tây Hội	866.700.000	9.011.331.000	1.149.018.000	7.862.313.000	4.526.998.000	134.642.000	776.009.000	352.800.000	1.432.584.000	0		
57	1109860	622-073	Trường THCS Tân Sơn	1.641.020.000	20.875.167.000	87.301.000	20.787.866.000	11.274.247.000	326.367.700	1.974.635.000	661.680.000	6.321.940.300	0		
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	1.181.520.000	14.693.555.115	961.981.000	13.731.554.115	7.745.872.000	229.566.200	1.304.609.000	940.680.000	3.131.836.800	658.050.115		
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	1.223.360.000	17.121.984.592	1.168.392.000	15.953.592.592	9.155.713.000	235.311.600	1.621.040.000	678.240.000	4.066.907.400	1.069.800.000		
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trì	616.540.000	10.314.391.000	252.523.000	10.061.868.000	5.084.108.000	123.787.900	901.456.000	324.360.000	2.558.376.100	2.930.000.000		
61	1086089	623-131	Trung tâm y tế dự phòng Trang An; Mậu Sơn; Sơn Châu Chăm sóc sức khỏe ban đầu nguyên cao nhất	24.000.000.000	48.270.508.880	6.338.914.000	41.931.594.880	30.609.082.000	657.918.000	3.446.000.000	0	4.288.594.880	2.930.000.000		
				TỔNG	77.195.462.000	835.242.667.428	45.280.347.609	789.962.319.828	477.047.908.792	14.875.137.600	73.096.388.992	10.178.640.000	191.739.394.880	23.024.849.564	
				TỔNG	1.205.000.000	628.170.600	1.205.000.000	2.720.449.000	2.261.027.000	159.422.000	1.18.422.000	0	1.205.000.000	300.000.000	
				TỔNG	4.010.000.000	2.251.619.600	1.097.000.000	1.623.449.000	1.505.027.000	118.422.000	0	0	0	300.000.000	
				TỔNG	3.899.640.000	2.529.002.800	1.097.000.000	1.880.314.000	1.847.834.000	32.480.000	0	0	0	300.000.000	
				TỔNG	0	648.688.000	0	1.880.314.000	1.847.834.000	32.480.000	0	0	0	0	
				TỔNG	5.775.542.000	5.145.606.762	4.343.444.762	4.343.444.762	227.474.500	26.826.500	276.014.264	399.910.000	200.000.000		
				TỔNG	275.542.000	1.169.556.762	802.162.000	899.692.762	586.523.998	200.648.000	196.160.000	6.485.000	200.000.000		
				TỔNG	5.500.000.000	3.976.050.000	532.298.000	3.443.752.000	2.653.523.000	14.875.137.600	73.096.388.992	10.178.640.000	393.421.000	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số 145/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 17 tháng 1 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch tại Tờ trình số 106/TTr-TCKH ngày 16/1/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 cho 93 đơn vị dự toán, Ủy ban nhân dân 16 phường số tiền: 12.140.540.000 đồng (mười hai tỉ một trăm bốn mươi triệu năm trăm bốn mươi ngàn đồng),

(đính kèm phụ lục 01 đến phụ lục 06, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Lý do: Bổ sung kinh phí thực hiện chăm lo quà Tết cho cán bộ, công chức, viên chức theo Công văn số 45/UBND-VX ngày 06 tháng 1 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố; chi khen thưởng cho cán bộ, công chức, viên chức ngành tài chính có mặt đến cuối tháng 12 năm 2019 và lãnh đạo điều hành ngân sách trên địa bàn theo Quyết định số 165/QĐ-UBND ngày 13/1/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ phát sinh khác.

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành;

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; “để thực hiện”
- Ban Thường vụ Quận ủy;
- TT. Hội đồng nhân dân quận;
- Thành viên UBND quận;
- Lưu (VP, P.TCKH).



CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Thanh Vân

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi thường xuyên (NGUỒN 13)	Chi không thường xuyên (NGUỒN 12)		
						TỔNG	Hỗ trợ Tết 2020	
							Đối tượng nhận quà Tết 2019 (người)	Kinh phí
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hanh Thông	1-2+3	2	3-5	4	5
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân	127.500.000	0	127.500.000	85	127.500.000
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toản	145.500.000	0	145.500.000	97	145.500.000
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	94.500.000	0	94.500.000	63	94.500.000
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chí Lăng	169.500.000	0	169.500.000	113	169.500.000
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	121.500.000	0	121.500.000	81	121.500.000
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	102.000.000	0	102.000.000	68	102.000.000
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	178.500.000	0	178.500.000	119	178.500.000
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	216.000.000	0	216.000.000	144	216.000.000
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Hồng Gắm	126.000.000	0	126.000.000	84	126.000.000
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	102.000.000	0	102.000.000	68	102.000.000
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	108.000.000	0	108.000.000	72	108.000.000
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	183.000.000	0	183.000.000	122	183.000.000
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	231.000.000	0	231.000.000	154	231.000.000
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	102.000.000	0	102.000.000	68	102.000.000
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	100.500.000	0	100.500.000	67	100.500.000
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	129.000.000	0	129.000.000	86	129.000.000
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	108.000.000	0	108.000.000	72	108.000.000
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	97.500.000	0	97.500.000	65	97.500.000
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	135.000.000	0	135.000.000	90	135.000.000
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	94.500.000	0	94.500.000	63	94.500.000
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	144.000.000	0	144.000.000	96	144.000.000
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	193.500.000	0	193.500.000	129	193.500.000
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	219.000.000	0	219.000.000	146	219.000.000
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	141.000.000	0	141.000.000	94	141.000.000
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	142.500.000	0	142.500.000	95	142.500.000
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	118.500.000	0	118.500.000	79	118.500.000
55	1051800	622-073	Trường THCS Thống Tây Hội	163.500.000	0	163.500.000	109	163.500.000
56	1051801	622-073	Trường THCS Trương Sơn	106.500.000	0	106.500.000	71	106.500.000
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	76.500.000	0	76.500.000	51	76.500.000
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	180.000.000	0	180.000.000	120	180.000.000
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	141.000.000	0	141.000.000	94	141.000.000
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Thi	147.000.000	0	147.000.000	98	147.000.000
61	1038324	709-085	Chi sự nghiệp Đào tạo	52.500.000	0	52.500.000	35	52.500.000
62	1038327	799-092	Trường trung cấp nghề Quang Trung	9.000.000	0	9.000.000	6	9.000.000
				43.500.000	0	43.500.000	29	43.500.000

Trương Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 544/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 13 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của phòng Tài chính-Kế hoạch tại Tờ trình số 213/TTr-TCKH ngày 11/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 cho 45 đơn vị dự toán, Ủy ban nhân dân 16 phường số tiền: 26.352.646.830 đồng (hai mươi sáu tỉ ba trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm ba mươi đồng),

(đính kèm phụ lục 01 đến phụ lục 06, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Lý do: Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu học phí cho học sinh bậc nhà trẻ, trung học cơ sở và bổ túc trung học cơ sở tại các trường công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện chi trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập cho học sinh khuyết tật và nhiệm vụ phát sinh khác.

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành;

Điều 3. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách của phòng Lao động Thương binh và xã hội năm 2020, số tiền 2.205.000.000 (hai tỉ hai trăm lẻ năm triệu đồng);

(đính kèm phụ lục 01, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Điều 4. Điều chỉnh tỉ lệ số thu được trích để lại của Ban quản lý chợ Tân Sơn Nhất: được để lại 100% số thu để chi hoạt động;

(đính kèm phụ lục 07, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 3, Điều 4 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5; “để thực hiện”
- Ban Thường vụ Quận ủy;
- TT. Hội đồng nhân dân quận;
- Thành viên UBND quận;
- Lưu (VP, P.TCKH).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Vân

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi thường xuyên (NGUỒN 13) Cấp bù chênh lệch mức thu học phí theo Nghị quyết số 25/2018/NQ-HĐND	Chi thường xuyên (NGUỒN 14) Tinh giản biên chế theo Nghị quyết 25/2017/NQ-HĐND	Chi không thường xuyên (NGUỒN 12)			
							TỔNG	Chi trợ cấp giảng dạy đối với giáo viên dạy hòa nhập cho học sinh khuyết tật	5	6
			A	1=2+3+4	2	3	4=5+6	5	6	
28	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	764.832.492	323.240.000		441.592.492	441.592.492		
29	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	918.350.143	308.240.000		610.110.143	610.110.143		
30	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	492.781.456	233.400.000		259.381.456	259.381.456		
31	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	622.895.576	331.840.000		291.055.576	291.055.576		
32	1051800	622-073	Trường THCS Thống Tây Hội	400.399.730	242.040.000		158.359.730	158.359.730		
33	1051801	622-073	Trường THCS Trương Sơn	561.786.749	151.160.000		410.626.749	410.626.749		
34	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Tài	931.385.686	409.480.000		521.905.686	521.905.686		
35	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	556.486.285	271.840.000		284.646.285	284.646.285		
36	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	676.060.161	299.520.000		376.540.161	376.540.161		
37	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	211.847.685	143.360.000		68.487.685	68.487.685		
III			Chi sự nghiệp Y tế	1.862.530.000	0		1.862.530.000	0	1.862.530.000	
38	1086089	623-131	Trung tâm Y tế dự phòng	1.862.530.000	0		1.862.530.000		1.862.530.000	
			TỔNG	19.193.634.555	4.433.400.000	240.261.253	14.519.973.302	12.657.443.302	1.862.530.000	

Trưởng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số 3408/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 01 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của các sở - ngành, quận huyện trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 620/TTr-TCKH ngày 28 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 của 84 đơn vị dự toán, Ủy ban nhân dân 16 phường số tiền: **121.939.561.000** đồng (Một trăm hai mươi một tỉ chín trăm ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi một ngàn đồng),

(đính kèm phụ lục 01 đến phụ lục 06, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Lý do: Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của các sở - ngành, quận huyện trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 2844/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành;

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3; “để thực hiện”
- Ban Thường vụ Quận ủy; } (để
- TT. Hội đồng nhân dân quận; } báo cáo)
- Thành viên UBND quận;
- Lưu (VP, P.TCKH).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Vân

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi thường xuyên (NGUỒN 13)	Chi thường xuyên (NGUỒN 14)	Chi không xuyên (NGUỒN 12)
			A	1=2+3+4	2	3	4
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	(1.186.019.000)		(1.186.019.000)	
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	(778.330.000)		(778.330.000)	
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	(716.370.000)		(716.370.000)	
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	(2.771.381.000)		(2.771.381.000)	
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	(1.770.127.000)		(1.770.127.000)	
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	(2.809.008.000)		(2.809.008.000)	
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	(3.416.094.000)		(3.416.094.000)	
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	(2.061.445.000)		(2.061.445.000)	
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	(2.312.048.000)		(2.312.048.000)	
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	(2.453.838.000)		(2.453.838.000)	
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	(1.988.731.000)		(1.988.731.000)	
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	(2.646.550.000)		(2.646.550.000)	
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	(1.874.273.000)		(1.874.273.000)	
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	(1.105.901.000)		(1.105.901.000)	
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	(2.739.302.000)		(2.739.302.000)	
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	(1.652.272.000)		(1.652.272.000)	
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	(2.360.725.000)		(2.360.725.000)	
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	(1.210.134.000)		(1.210.134.000)	
II			Chi sự nghiệp Đào tạo	(549.202.000)	0	(549.202.000)	0
61	1038324	709-085	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	(86.343.000)	0	(86.343.000)	0
62	1038327	799-092	Trường trung cấp nghề Quang Trung	(462.859.000)	0	(462.859.000)	0
			Chi sự nghiệp Y tế	(4.725.183.000)	0	(4.725.183.000)	0
63	1086089	623-131	Trung tâm y tế dự phòng	(4.725.183.000)	0	(4.725.183.000)	0
			TỔNG	(101.453.351.000)	0	(101.453.351.000)	0



Thẩm Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số 3409/QĐ-UBND

Trương Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 01 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 621/TTr-TCKH ngày 28 tháng 8 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 cho 60 đơn vị dự toán, số tiền: 3.414.387.652 đồng (ba tỉ bốn trăm mười bốn triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi hai đồng),

(đính kèm phụ lục 01 đến phụ lục 03, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Lý do: Bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP; hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP; chi tinh giản biên chế đối với giáo viên và nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND và nhiệm vụ phát sinh khác;

Điều 2. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành;

Điều 3. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 của Giáo dục và Đào tạo: 2.220.026.082 đồng (hai tỉ hai trăm hai mươi mốt triệu sáu ngàn tám mươi hai đồng);

(đính kèm phụ lục 01, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4; “để thực hiện”
- Ban Thường vụ Quận ủy; } (để
- TT. Hội đồng nhân dân quận; } báo cáo)
- Thành viên UBND quận;
- Lưu (VP, P.TCKH).



Nguyễn Thị Thanh Vân

Số đơn vị dự toán trong sách	Mã	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi thường xuyên (NGUỒN 13)	Chi thường xuyên (NGUỒN 14)	Chi không thường xuyên (NGUỒN 12)									
						1=2+3+4	2	3	4=5+...+11	5	6	7	8	9	10
				Chi thường xuyên (NGUỒN 13)	Thực hiện chính sách hình thức ND 108/2014/NĐ-CP và NQ 25/2017/NQ-HĐND	Tổng	Phụ cấp tu dưỡng đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật	Miễn giảm học phí (Người dân 86/2015/NĐ-CP)	Hỗ trợ chi phí học tập (Người dân 86/2015/NĐ-CP)	Cấp bù tiền học bổng 2 (CV 5846/UBND-VX)	Hỗ trợ tiền ăn trưa (Thông tư 09/2013/TT-LT-BGDĐT-BTC-BNV)	Thực hiện sửa chữa, cải tạo trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học năm 2020	Khác		
43127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	20.280.000	0	0	20.280.000		5.880.000	7.200.000	7.200.000					
67966	622-073	Trường THCS An Nhơn	14.480.000	0	0	14.480.000		6.720.000	5.200.000	2.560.000					
43129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	3.760.000	0	0	3.760.000		2.160.000	1.600.000						
52167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	17.960.000	0	0	17.960.000		4.920.000	6.800.000	6.240.000					
51807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	17.320.000	0	0	17.320.000		7.800.000	5.200.000	4.320.000					
51801	622-073	Trường THCS Trương Sơn	2.880.000	0	0	2.880.000		1.680.000	1.200.000	960.000					
09860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	21.200.000	0	0	21.200.000		6.240.000	7.600.000	7.360.000					
18001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	8.640.000	0	0	8.640.000		4.560.000	3.600.000	480.000					
20706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	2.040.000	0	0	2.040.000		1.320.000	400.000	320.000					
24016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	1.720.000	0	0	1.720.000		840.000	400.000	480.000					
08089	623-131	Chi sự nghiệp Y tế	184.561.550	0	0	184.561.550									
		Trung tâm Y tế dự phòng	184.561.550	0	0	184.561.550									
		Thanh toán KP sửa chữa, cải tạo trạm y tế phường 8.12.16	184.561.550	0	0	184.561.550									
		Chi sự nghiệp Văn hoá	392.399.800	0	0	392.399.800									
		Nhà Thiếu nhi	392.399.800	0	0	392.399.800									
038146	711-161	Nhà Thiếu nhi	392.399.800	0	0	392.399.800									
		Kinh phí chi trả phí cấp bari học sinh lớp 3 trên địa bàn quận năm 2019 theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 01/7/2016 của UBND quận về tổ chức phòng chống đuối nước và dạy bari cho học sinh gửi đoạn 2016-2020	392.399.800	0	0	392.399.800									
		TỔNG	2.913.231.962	0	509.124.330	2.404.107.632	36.328.773	97.560.000	107.500.000	49.005.000	11.175.000	1.525.577.509	576.961.350		

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP

Số: 4011 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Vấp, ngày 10 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên
còn lại của năm 2020.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 8299/BTC-NSNN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – NSDP những tháng cuối năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 812/TTr-TCKH ngày 04 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2020 của 83 đơn vị dự toán và Ủy ban nhân dân 16 phường, số tiền: 17.979.166.671 đồng (Mười bảy tỉ chín trăm bảy mươi chín triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi một đồng), cụ thể:

- Đơn vị dự toán: 14.400.870.060 đồng.

- Ủy ban nhân dân 16 phường: 3.578.296.611 đồng.

(đính kèm phụ lục 01 đến phụ lục 06, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Lý do: Cắt giảm và tiết kiệm thêm dự toán chi thường xuyên còn lại của năm 2020 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ và Công văn số 8299/BTC-NSNN ngày 08/7/2020 của Bộ Tài chính;

Điều 2. Kho bạc Nhà nước Gò Vấp thực hiện giữ lại tại ngân sách các cấp đối với số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm thêm đối với các cơ quan, đơn vị chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành;

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *TTMM*

Nơi nhận:

- Như điều 4; “để thực hiện”
 - TT Quận ủy;
 - TT. Hội đồng nhân dân quận;
 - Ủy viên UBND quận;
 - Lưu: VT, P.TCKH.
- } (để báo cáo)



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thanh Vân

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	chỉ thường xuyên còn lại của năm 2020 (NGUỒN 13)	CLK	Đơn vị sử dụng ngân sách	STT	Ghi chú
				1=2+3	2	3			4
			A						
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	(130.915.789)	(130.915.789)				
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	(263.197.731)	(263.197.731)				
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	(294.619.376)	(294.619.376)				
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	(339.669.945)	(339.669.945)				
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	(290.173.875)	(290.173.875)				
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	(241.838.699)	(241.838.699)				
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	(155.607.260)	(155.607.260)				
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	(251.183.192)	(251.183.192)				
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	(186.158.544)	(186.158.544)				
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	(128.053.405)	(128.053.405)				
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	(297.551.044)	(297.551.044)				
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	(226.744.064)	(226.744.064)				
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	(209.688.581)	(209.688.581)				
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	(130.243.809)	(130.243.809)				
II			Chi sự nghiệp Đào tạo	(136.235.221)	(136.235.221)	0			
61	1038324	709-085	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	(25.114.028)	(25.114.028)				
62	1038327	799-092	Trường trung cấp nghề Quang Trung	(111.121.193)	(111.121.193)				
			Chi sự nghiệp Y tế	(1.092.620.608)	(1.092.620.608)	0			
	1086088	648-521	Bệnh viện	0	0				
63	1086089	623-131	Trung tâm y tế dự phòng	(1.092.620.608)	(1.092.620.608)				
IV			Chi sự nghiệp Văn hoá	(136.386.055)	(136.386.055)	0			
64	1071013	625-161	Trung tâm văn hoá	(87.729.851)	(87.729.851)				
65	1038146	711-161	Nhà Thiếu nhi	(48.656.204)	(48.656.204)				
V			Chi sự nghiệp thể dục thể thao	(98.577.206)	(98.577.206)	0			
66	1038562	625-221	Trung tâm thể dục thể thao	(98.577.206)	(98.577.206)				
			TỔNG	(12.735.609.091)	(12.735.609.091)	0			



QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân quận Gò Vấp Khóa X, tại kỳ họp thứ mười hai về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước (số phần đầu) và phân giao dự toán chi thường xuyên năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 540/TB-VP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận về Thông báo nội dung phiên họp Ủy viên Ủy ban nhân dân quận ngày 10 tháng 12 năm 2020;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 983/TTr-TCKH ngày 14 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2020 cho 68 đơn vị và Ủy ban nhân dân 16 phường với tổng số tiền là 28.639.357.420 đồng (Hai mươi tám tỉ sáu trăm ba mươi chín triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm hai mươi đồng);

(đính kèm phụ lục, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Điều 2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân phường 3, 8, 15, 16, 17 với tổng số tiền: 27.073.772.744 đồng (Hai mươi bảy tỉ không trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm bốn mươi bốn đồng);

(đính kèm phụ lục, tên đơn vị và số liệu chi tiết)

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1 có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành;

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T. K.*

Nơi nhận:

- Nhu điều 4 (để thực hiện);
 - TT Quận ủy
 - TT. Hội đồng nhân dân quận
 - Ủy viên UBND quận;
 - Phòng TCKH;
 - Lưu: VT, N.(72).
- } (để báo cáo);

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Thanh Vân

STT	Mã số đơn vi sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG SỐ	Chi thường xuyên (NGUỒN 13)	Chi thường xuyên (NGUỒN 14)	Chi không thường xuyên (NGUỒN 12)				
							Tổng	Hỗ trợ tiền ăn trưa (Thông tư 09/2013/TTLT -BGDDT- BTC-BNV)	Miễn, giảm học phí (Nghị định 86/2015/NĐ- CP)	Hỗ trợ chi phí học tập (Nghị định 86/2015/NĐ- CP)	Cấp bù tiền học buổi 2 (CV 5846/UBND- VX)
A	B	C	D	I=2+3+4	2	3	4=5+...+8	5	6	7	8
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	360.313.700	322.320.330	35.813.370	2.180.000			1.200.000	980.000
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hạnh Thông	495.810.100	444.645.090	49.405.010	1.760.000			1.200.000	560.000
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân	641.748.900	575.630.010	63.958.890	2.160.000			1.600.000	560.000
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	432.905.900	388.895.310	43.210.590	800.000			800.000	0
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	774.696.900	694.707.210	77.189.690	2.800.000			2.800.000	0
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	352.420.400	317.178.360	35.242.040	0			2.400.000	0
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	530.128.500	474.955.650	52.772.850	2.400.000			2.000.000	0
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	773.912.700	693.083.430	77.009.270	3.820.000			2.000.000	1.820.000
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	1.108.780.200	997.542.180	110.838.020	400.000			400.000	0
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	581.854.500	523.669.050	58.185.450	0			0	0
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Hồng Gắm	615.127.300	551.814.570	61.312.730	2.000.000			2.000.000	0
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	474.292.300	422.182.800	46.909.200	5.200.000			5.200.000	0
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	817.095.600	732.866.040	81.429.560	2.800.000			2.800.000	0
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	1.016.462.500	913.376.250	101.486.250	1.600.000			1.600.000	0
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	421.206.700	373.740.030	48.833.680	5.940.000			4.400.000	1.540.000
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	491.936.800	439.503.120	48.833.680	3.600.000			3.600.000	0
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	525.921.500	472.249.350	52.472.150	1.200.000			1.200.000	0
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	280.252.400	252.227.160	28.025.240	0			0	0
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	417.959.700	371.033.730	41.225.970	5.700.000			3.600.000	2.100.000
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	558.680.000	491.652.000	54.628.000	12.400.000			4.400.000	4.160.000
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	342.000.000	301.392.000	33.488.000	7.120.000			2.880.000	1.440.000
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	598.480.000	516.600.000	57.400.000	24.480.000			7.680.000	9.600.000
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	769.880.000	685.440.000	76.160.000	8.280.000			2.400.000	3.200.000
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	891.720.000	786.240.000	87.360.000	18.120.000			5.880.000	4.640.000
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	641.920.000	566.244.000	62.916.000	12.760.000			3.720.000	4.400.000
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	595.800.000	531.216.000	59.924.000	5.560.000			1.800.000	2.000.000
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	483.360.000	420.588.000	46.372.000	16.040.000			4.440.000	5.600.000
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	617.280.000	545.328.000	60.992.000	11.360.000			5.040.000	1.920.000
55	1051800	622-073	Trường THCS Thống Tây Hội	398.360.000	355.320.000	39.480.000	3.560.000			1.560.000	1.200.000
56	1051801	622-073	Trường THCS Trương Sơn	279.360.000	248.976.000	27.664.000	2.220.000			960.000	800.000
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	830.880.000	727.272.000	80.808.000	22.800.000			6.000.000	8.800.000
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	554.520.000	489.384.000	54.376.000	10.760.000			3.480.000	3.680.000
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	541.480.000	486.108.000	54.012.000	1.360.000			960.000	400.000
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	225.640.000	202.860.000	22.540.000	240.000			0	0